

Số: 135^A/2024/CV-IRS

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

- Kính gửi:**
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA (IRS)

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12, Tòa CDC, 25 Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, HN.

Điện thoại: (024) 3 944 6666

Fax: (024) 3944 6969

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Trần Thị Thu Hương - Người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: Số Tầng 12, Tòa CDC, 25 Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, HN

Điện thoại: (024) 3 944 6666

Fax: (024) 3944 6969

Loại thông tin công bố:

☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ Bất thường ☐ Theo yêu cầu ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin cần công bố:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia công bố **Báo cáo thường niên năm 2023**.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28 tháng 03 năm 2024 tại đường dẫn: [www.irs.com.vn/Tin_tuc/IRS công bố thông tin](http://www.irs.com.vn/Tin_tuc/IRS_cong_boc_thong_tin).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2023.
- Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2023.

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG
KHOÁN
QUỐC TẾ
HOÀNG
GIA

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN CHỨNG
KHOÁN QUỐC TẾ
HOÀNG GIA
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L
=Hai Bà Trưng, CN=
CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN QUỐC
TẾ HOÀNG GIA,
OID.0.9.2342.19200300.1
00.1.1=MST:0102311942
Reason: I am the author
of this document
Location:
Date: 2024.03.29
09:09:27+07'00'
Foxit PDF Reader
Version: 12.1.1



TRẦN THỊ THU HƯƠNG

**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Số: 135^B/2024/CV-IRS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (IRS).
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 58/UBCK-GPHĐKD của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/7/2007; Giấy phép điều chỉnh số 80/GPĐC-UBCK ngày 19 tháng 4 năm 2012; Giấy phép điều chỉnh số 116/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 12 năm 2012 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp; Giấy phép điều chỉnh số 56/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 12 năm 2015 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp; Giấy phép số 07/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 3 năm 2016; Giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC-UBCK ngày 18/7/2017 và Giấy phép điều chỉnh số 100/GPĐC-UBCK ngày 05 tháng 11 năm 2021. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0102311942 ngày 08/09/2022 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 300.000.000.000 VND
- Địa chỉ: Tầng 12 tòa nhà CDC, số 25 phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Số điện thoại: 024 3 944 6666
- Số fax: 024 3 944 6969



- Website: www.irs.com.vn
- Quá trình hình thành và phát triển: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số: 58/UBCK-GPHĐKD ngày 06 tháng 7 năm 2007. Công ty đã có 08 lần thay đổi Giấy phép hoạt động kinh doanh.
- Những sự kiện khác : Trong năm 2023, kinh tế toàn cầu bị ảnh hưởng nặng nề bởi lạm phát tăng cao, các sự kiện vẫn được tinh giảm hơn so với những năm trước.

Ngày 08/03/2023:

Nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, IRS có những món quà và lời chúc tốt đẹp nhất tới Quý Nhà đầu tư và CBNV nữ tại IRS.

Ngày 20/10/2023:

Nhân ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, IRS đã gửi tới những bó hoa tươi thắm và lời chúc tốt đẹp nhất tới Quý Nhà đầu tư và CBNV nữ tại IRS.

Chuyến đi dã ngoại tại Suối Ngọc Ba Vì đây ý nghĩa không chỉ tôn vinh chị em phụ nữ trong ngày Phụ nữ Việt Nam và còn gắn kết tình cảm của toàn bộ cán bộ công nhân viên Công ty IRS.

Ngày 18/12/2023:

IRS kỷ niệm 16 năm ngày thành lập. Đây là một dấu mốc quan trọng đánh dấu chặng đường phát triển không ngừng của IRS. Với định hướng phát triển ổn định, bền vững, IRS đã tạo nên sự tin tưởng, yêu mến và sự đồng hành của Quý Nhà đầu tư cùng IRS trong những chặng đường tiếp theo.

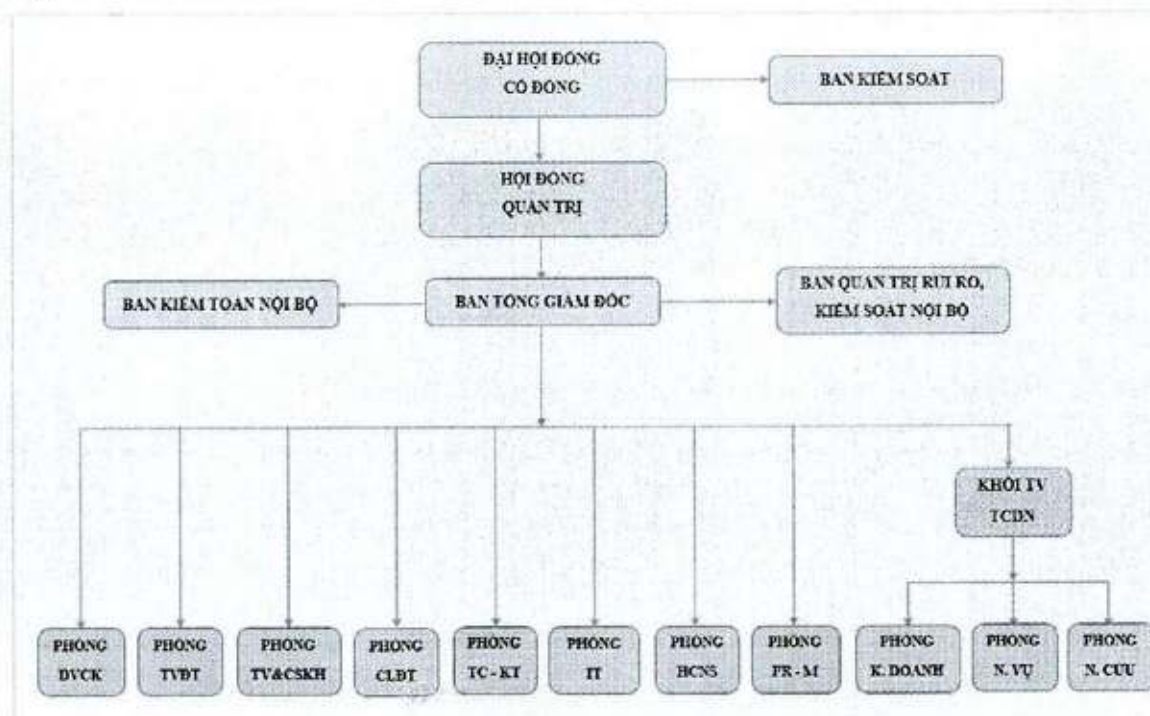
2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:*

- Ngành nghề kinh doanh:
 - Môi giới chứng khoán;
 - Tự doanh chứng khoán;
 - Lưu ký chứng khoán;

- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- Địa bàn kinh doanh: Trụ sở chính của Công ty tại tầng 12, tòa nhà CDC, 25 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: IRS hoạt động theo mô hình công ty Cổ phần tại điểm a khoản 1 điều 137, có cơ cấu tổ chức gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
 - Hoạt động môi giới: Phát triển IRS trở thành công ty có dịch vụ môi giới chuyên nghiệp và mang bản sắc riêng, lấy chất lượng tư vấn và chăm sóc khách hàng làm trọng tâm.
 - Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp: Đảm bảo hoạt động có lãi và có tăng trưởng hàng năm, nâng cao năng lực về chất lượng dịch vụ và đội ngũ nhân sự.
- Chiến lược phát triển chung và dài hạn:
 - IRS phát huy tất cả các nguồn lực để phát triển không phụ thuộc vào điều kiện thị trường. Công ty sẽ tập trung vào dịch vụ chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp và hoạt động tài chính. Tiếp tục tạo ra sự khác biệt trong các sản phẩm dịch vụ mang bản sắc riêng của IRS dựa trên tiềm năng và thế mạnh của IRS.
 - Công tác quản lý và điều hành: Tăng cường hiệu quả sự phối hợp giữa các phòng ban, nâng cao kỹ năng quản lý nhân sự, hoàn thiện các quy chế quản lý điều hành phù hợp với tình hình thực tế.
 - Công tác nhân sự: Phát triển đội ngũ nhân sự trung thành, nhiệt huyết với định hướng dịch vụ của Công ty. Bồi dưỡng cán bộ có năng lực để làm tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong tương lai.
 - Công tác xây dựng thương hiệu: Xây dựng thương hiệu mạnh dựa trên uy tín và chất lượng dịch vụ khách hàng, trở thành công ty chứng khoán thân thiện, có bản sắc riêng.
 - Công tác tài chính: Đảm bảo cân đối tài chính, công ty không thua lỗ, phần đầu đạt lợi nhuận khi điều kiện thị trường thuận lợi.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của công ty:

Xã hội càng phát triển, vấn đề phát triển bền vững được cả Thế giới quan tâm. Phát triển bền vững có ý nghĩa nội hàm, ngoài kinh tế, văn hóa, con người thì yếu tố môi trường, xã hội và cộng đồng luôn được chú trọng.

Nhận thức được tầm quan trọng của phát triển bền vững nên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh, IRS đã luôn không ngừng nâng cao và cải thiện đời sống cho CBCNV và thường xuyên thực hiện các công tác an sinh xã hội tại địa phương. Kiên trì giữ vững hoạt động, tiến tới phát triển an toàn bền vững, bảo vệ lợi ích Nhà đầu tư. Đầu tư vào các công nghệ hiện đại, tiên tiến vừa tiết kiệm năng lượng trong hoạt động kinh doanh vừa đảm bảo an toàn môi trường chung cho xã hội. Đề cao công tác an toàn sức khỏe môi trường, không để xảy ra các sự cố nghiêm trọng. Các hoạt động hỗ trợ cộng đồng luôn được phát động và tổ chức như: Ủng hộ bà con gặp thiên tai lũ lụt, tham gia các chương trình hiến máu nhân đạo...

5. Các rủi ro:

Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện các mục tiêu của IRS đó là:

- **Rủi ro thị trường:** Là những rủi ro tác động đến thị trường chứng khoán, sự bất bênh của môi trường kinh tế nói chung cũng như sụt giảm GDP, biến động lãi suất, tốc độ lạm phát thay đổi... những biến đổi này tác động đến sự dao động giá của các loại chứng khoán trên thị trường. Rủi ro thị trường xuất hiện do phản ứng của các nhà đầu tư đối với các thông tin, hiện tượng trên thị trường. Sự sụt giảm trên thị trường là nguyên nhân gây sợ hãi đối với nhà đầu tư và họ sẽ cố gắng rút vốn, phản ứng dây chuyền này làm tăng số lượng bán, giá cả của chứng khoán sẽ rơi xuống thấp so với giá trị hiện tại của nó. Khi đó, có khả năng giải chấp đồng loạt, thị trường sẽ giảm mạnh hơn nữa làm rủi ro thị trường tăng cao hơn.
- **Rủi ro lãi suất:** Giá cả của các chứng khoán thay đổi do lãi suất thị trường dao động thất thường gọi là rủi ro lãi suất. Giữa lãi suất thị trường và giá cả của chứng khoán có mối quan hệ tỷ lệ nghịch. Khi lãi suất thị trường tăng, người đầu tư có xu hướng bán cổ phiếu để lấy tiền vào ngân hàng dẫn đến giá cổ phiếu giảm và ngược lại.

Ngoài hệ quả trực tiếp đối với giá chứng khoán, lãi suất còn ảnh hưởng gián tiếp đến giá cổ phiếu thường khi lãi suất tăng làm giá cổ phiếu giảm vì các nhà đầu tư vay mua ký quỹ sẽ bị ảnh hưởng. Nhiều công ty kinh doanh chứng khoán hoạt động chủ yếu bằng vốn đi vay thì với mức lãi suất tăng cũng làm chi phí vốn tăng.

- **Rủi ro sức mua:** Rủi ro sức mua là tác động của lạm phát tới các khoản đầu tư, lợi tức thực tế của chứng khoán đem lại là kết quả giữa lợi tức danh nghĩa sau khi khấu trừ đi lạm phát. Như vậy, khi có tình trạng lạm phát thì lợi tức thực tế giảm.
- **Rủi ro kinh doanh:** Trong quá trình kinh doanh, định mức thực tế không đạt được như theo kế hoạch, lợi nhuận trong năm tài chính thấp hơn mức dự kiến. Rủi ro kinh doanh được cấu thành bởi yếu tố bên ngoài và yếu tố nội tại trong công ty. Rủi ro nội tại phát sinh trong quá trình công ty hoạt động. Rủi ro bên ngoài bao gồm những tác động nằm ngoài sự kiểm soát của công ty làm ảnh hưởng đến tình trạng hoạt động của công ty như chi phí tiền vay, thuế, chu kỳ kinh doanh...
- **Rủi ro tài chính:** Rủi ro tài chính liên quan đến đòn bẩy tài chính, hay nói cách khác liên quan đến cơ cấu nợ của công ty. Sự xuất hiện các khoản nợ trong cấu trúc vốn sẽ tạo ra nghĩa vụ trả nợ trả lãi của công ty. Công ty phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ (gồm trả nợ ngân hàng và trả nợ trái phiếu) trước việc thanh toán cổ tức cho cổ đông.
- **Rủi ro mang tính chủ quan thường tập trung vào đội ngũ nhân lực trong hoạt động Môi giới, Tự doanh của công ty chứng khoán, cụ thể:**
 - Khả năng nắm bắt thông tin, nhìn nhận thị trường.
 - Khả năng phân tích tình hình doanh nghiệp, các yếu tố làm ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp trên thị trường.
 - Khả năng đánh giá sự ảnh hưởng của các chính sách mà Nhà nước điều chỉnh nền kinh tế.
- **Rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh:**

Các ảnh hưởng về môi trường, thiên tai, dịch bệnh đều ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người lao động và các Nhà đầu tư, điều đó cũng ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động dịch vụ kinh doanh của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Tổng doanh thu kinh doanh thuần toàn Công ty năm 2023 là 19.927.837.200 đồng. Chi tiết cho các hoạt động kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng
Tổng Doanh thu	19.927.837.200	
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	10.987.574.740	55,1%
Doanh thu từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	2.968.736.164	14,9%
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	4.064.260.202	20,4%
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	322.057.143	1,6%
Doanh thu lưu ký chứng khoán	272.364.032	1,4%
Doanh thu từ các khoản cho vay và phải thu	816.341.104	4,1%
Doanh thu khác	496.503.815	2,5%

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Năm 2023 là năm đầy biến động và khó khăn đối với nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng, mặt khác các yêu cầu về thay đổi công nghệ, đáp ứng yêu cầu cấp tập thử nghiệm hệ thống giao dịch chứng khoán KRX của Cơ quan quản lý, song song với việc duy trì ổn định về tổ chức bộ máy hoạt động, quản lý hiệu quả các khoản chi phí, tối ưu hóa các nguồn lực đã giúp Công ty vẫn có được lợi nhuận sau thuế năm 2023 là 664.346.763 VNĐ tuy nhiên vẫn giảm so với năm 2022.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị điều hành trực tiếp mọi hoạt động hàng ngày của Công ty, giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Giám đốc khối và các Trưởng phòng nghiệp vụ.

Bà TRẦN THỊ THU HƯƠNG – Tổng Giám đốc kiêm Thành viên thường trực HĐQT

Bà TRẦN THỊ THU HƯƠNG – là một trong những chuyên gia trong lĩnh vực quản lý tài chính có kinh nghiệm hơn 28 năm chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp cũng như kinh nghiệm quản lý, điều hành trong môi trường cạnh tranh. Bà cũng là người am hiểu và có mối quan hệ tốt với các cơ quan, doanh nghiệp và các định chế tài chính hoạt động tại Việt Nam.

Bà NGUYỄN THỊ KHANH –Kế toán trưởng

Bà NGUYỄN THỊ KHANH, tốt nghiệp ngành Kế toán – Kiểm toán, Đại học Kinh tế Quốc dân, đã có 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán. Hiện bà Khanh đang đảm nhiệm vị trí Kế toán trưởng tại IRS.

Ông HOÀNG VĂN BỘ - Giám đốc Khối Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp

Ông HOÀNG VĂN BỘ, tốt nghiệp khoa Quản trị doanh nghiệp Đại học Thương mại, đã có trên 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp. Với kiến thức vững vàng về phân tích tài chính, các nghiệp vụ về chứng khoán và thị trường chứng khoán, ông Bộ đã tư vấn thành công nhiều dự án trong các lĩnh vực tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, tư vấn chuyển đổi hình thức sở hữu công ty, tư vấn phát hành chứng khoán, tư vấn niêm yết và tái cấu trúc doanh nghiệp. Hiện ông Bộ đang đảm nhiệm vị trí Giám đốc Khối Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp tại IRS.

Ông HOÀNG MỘC LÂM – Giám đốc Công nghệ thông tin

Ông HOÀNG MỘC LÂM, cử nhân ngành Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế, Đại học Kinh tế Quốc dân; cử nhân ngành Toán Tin, Đại học Quốc Gia Hà Nội, đã có 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý công nghệ thông tin cho Ủy ban Châu Âu và các cơ quan chính phủ như Bộ Y tế, Bộ LĐTB & XH. Ông Lâm đã rất thành công trong vai trò là cầu nối giữa hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp với công nghệ thông tin và đưa ra những giải pháp nhằm giúp doanh nghiệp khai thác được đầy đủ các tiềm năng của mình nhờ vào sức mạnh công nghệ.

- Những thay đổi trong ban điều hành: không có
- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Tính đến thời điểm 31/12/2023, toàn bộ Công ty có 50 nhân viên gồm Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ nhân viên. Cụ thể:

- Ban Tổng Giám đốc: 01 người
- Phòng Dịch vụ chứng khoán: 06 người
- Phòng Tư vấn đầu tư, Tư vấn & Chăm sóc khách hàng: 10 người
- Phòng Tư vấn TCDN: 07 người
- Phòng Hành chính – Nhân sự: 9 người
- Phòng Chiến lược đầu tư: 02 người
- Phòng IT: 03 người
- Phòng Kế toán: 08 người
- Kiểm soát nội bộ: 02 người
- Ban Quản trị rủi ro: 01 người
- Bộ phận khác: 01 người

Công ty luôn đề cao giá trị của nguồn nhân lực, tạo điều kiện tốt để thu hút những nhân sự có năng lực và trách nhiệm. Công ty dài thọ chi phí đào tạo chuyên môn cho nhân viên tham gia các khóa học nâng cao nghiệp vụ.

Công ty tuân thủ nghiêm túc mọi qui định pháp luật về lao động như ký hợp đồng trực tiếp với người lao động, xây dựng thỏa ước lao động tập thể, thực hiện các chế độ trợ cấp theo qui định trong Luật Lao Động, tuân thủ qui định về kê khai và nộp thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, công đoàn ...

Công ty áp dụng chế độ khen thưởng, động viên người lao động định kỳ hàng tháng, hàng quý và hàng năm. Công ty tổ chức các buổi liên hoan nhân dịp lễ tết, tham quan, nghỉ mát cho CBNV góp phần tăng cường tinh tập thể, xây dựng văn hóa công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Trong năm 2023 Công ty không có khoản góp vốn với các tổ chức khác.
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	315.402.547.091	315.215.735.123	-0,06%
Doanh thu thuần	30.950.197.950	19.927.837.200	-35,61%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.575.408.471	880.433.454	-44,11%
Lợi nhuận khác	(78.058.298)	(40.000.000)	48,76%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN IRS 2023

Lợi nhuận trước thuế	1.497.350.173	840.433.454	-43,87%
Lợi nhuận sau thuế	1.200.165.316	664.346.763	-44,65%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

- **Các chỉ tiêu khác:** không có

b, Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

ĐVT: Làn

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	49,81	57,66	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TS ngắn hạn – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	49,81	57,66	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,02	0,02	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,02	0,02	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Không có	Không có	
+ Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,10	0,06	

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,04	0,03	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,004	0,002	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,004	0,002	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,05	0,04	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 29.682.500 cổ phần.

Trong đó:

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 29.682.500 cổ phần.

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

b. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2023 Công ty không có phát sinh sự thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

c. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 317.500 cổ phần
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: không có

d. Các chứng khoán khác: không có

e. Cơ cấu cổ đông:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
I.	Cổ đông tổ chức	675.000	6.750.000.000	2,25%
1	Tổ chức trong nước	675.000	6.750.000.000	2,25%
2	Tổ chức nước ngoài	-	-	-
II.	Cổ đông cá nhân	29.007.500	290.075.000.000	96,69%
1	Cá nhân trong nước	29.007.500	290.075.000.000	96,69%
2	Cá nhân nước ngoài	-	-	-
III.	Cổ phiếu quỹ	317,500	3.175.000.000	1,06%
	Tổng	30.000.000	300.000.000.000	100%

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

IRS luôn tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và không bị xử phạt trong lĩnh vực môi trường.

6.2. Chính sách liên quan đến người lao động:

Tại thời điểm 31/12/2023, IRS có 50 cán bộ công nhân viên. IRS luôn xem nguồn nhân lực là yếu tố phát triển công ty, vì vậy công tác phát triển, nâng cao đội ngũ nhân lực luôn được IRS đặc biệt quan tâm. Trong năm 2023, IRS đã tổ chức các chương trình nội bộ đào tạo văn hóa, kiến thức nghiệp vụ, kỹ năng quản lý cho các cấp lãnh đạo và nhân viên công ty nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ tốt nhất đến khách hàng. IRS luôn thực hiện đầy đủ các trách nhiệm xã hội đối với người lao động theo các quy định của Nhà nước thông qua việc tham gia 100% BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, hỗ trợ các chế độ ưu tiên khác như phụ cấp điện thoại, phụ cấp xe cộ, phụ cấp tiền ăn...

6.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Cùng với việc đẩy mạnh và phát triển hoạt động kinh doanh, công tác an sinh luôn được tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên IRS quan tâm, coi đó là trách nhiệm, tình cảm của mỗi cá nhân, với cộng đồng, với xã hội. An sinh xã hội thể hiện được tính nhân văn, bổn phận của con người, của xã hội đối với cộng đồng và góp phần để xây dựng nên một xã hội hài hòa, văn minh.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây.

Tổng doanh thu kinh doanh thuần toàn Công ty năm 2023 là **19.927.837.200 đồng**. Chi tiết cho các hoạt động kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng
Doanh thu	19.927.837.200	
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	10.987.574.740	55,1%
Doanh thu từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	2.968.736.164	14,9%
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	4.064.260.202	20,4%
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	322.057.143	1,6%
Doanh thu lưu ký chứng khoán	272.364.032	1,4%

Doanh thu từ các khoản cho vay và phải thu	816.341.104	4,1%
Doanh thu khác	496.503.815	2,5%

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: Năm 2023 là năm đầy biến động và khó khăn đối với thị trường chứng khoán, song song với việc duy trì ổn định về tổ chức bộ máy hoạt động, quản lý hiệu quả các khoản chi phí, tối ưu hóa các nguồn lực đã giúp Công ty vẫn có được lợi nhuận sau thuế năm 2023 là 664.346.763 VNĐ

2. *Tình hình tài chính*

a. *Tình hình tài sản*

Qua bảng báo cáo tình hình tài chính của Công ty năm 2023 và năm 2022, ta thấy cơ cấu tài sản (tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn) của Công ty năm 2023 so với năm 2022 nhìn chung có sự thay đổi không đáng kể. Năm 2022 tài sản ngắn hạn chiếm 96,2% đến năm 2023 tài sản ngắn hạn chiếm 95,8%. Tài sản dài hạn năm 2022 chiếm 3,8% trong khi đó tài sản dài hạn năm 2023 chiếm 4.2%.

b. *Tình hình nợ phải trả:*

Nợ phải trả năm 2023 giảm 14 % so với năm 2022 chủ yếu do người mua trả tiền trước và chi phí phải trả ngắn hạn khác giảm.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2023, Công ty vẫn xác định mục tiêu tiếp tục tiến hành thay đổi cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đẩy mạnh công tác quản lý rủi ro.

3. *Kế hoạch phát triển trong tương lai:*

Định hướng về nhân sự

Nhân sự tuyển dụng tại IRS cần có những kỹ năng và tố chất phù hợp với công việc thực tế, có sự thích ứng cao với môi trường làm việc năng động.

Nhân viên làm việc tại IRS là những người có tinh thần làm việc thân thiện, tận tâm với khách hàng, luôn đề cao yếu tố đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần cầu tiến và vì tập thể.

IRS tạo môi trường làm việc thân thiện, bình đẳng để nhân viên có thể phát huy tối đa năng lực, hướng tới mục tiêu xây dựng một đội ngũ nhân sự phù hợp với định hướng dịch vụ, có nhiệt huyết và sự sẻ chia, gắn bó trong quá trình phát triển của Công ty.

Định hướng về dịch vụ

Tập trung phát triển dịch vụ môi giới và dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp với vai trò là nhà môi giới tổ chức chuyên nghiệp. Đa dạng và chuẩn hóa các dịch vụ dựa trên nhu cầu chung của khách hàng, quan tâm đến các yếu tố mang tính đặc thù riêng của từng nhóm khách hàng, qua đó tạo nên sự khác biệt riêng có về chất lượng dịch vụ tại IRS.

Xác định khách hàng trong hoạt động môi giới không phải của riêng Công ty chứng khoán nào và IRS cần có phương thức tiếp cận phù hợp, không coi khách hàng là sở hữu.

Xác định dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp cần phải đi theo cả vòng đời của doanh nghiệp, không đơn thuần chỉ là tư vấn cổ phần hóa, tư vấn niêm yết...

Định hướng về chăm sóc khách hàng

Chính sách chăm sóc khách hàng đa dạng, được chuyên nghiệp hóa theo nghiệp vụ của từng Phòng Ban, lấy sự hài lòng và thành công của khách hàng làm thước đo chất lượng dịch vụ với phương châm “chăm sóc khách hàng từ TÂM”.

IRS coi khách hàng như một thành viên gia đình trong mái nhà chung và khách hàng cũng coi đây là một tổ chức thực sự của mình.

Định hướng về công nghệ

IRS xác định phát triển công nghệ phù hợp theo định hướng dịch vụ trên cơ sở tăng cường các tiện ích nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng và đem lại hiệu quả cao nhất trong công tác chăm sóc, phục vụ khách hàng.

Định hướng về thương hiệu

IRS chủ trương tập trung xây dựng, phát triển thương hiệu dựa trên uy tín, chất lượng dịch vụ và văn hóa doanh nghiệp.

Thương hiệu IRS gắn với thương hiệu nhà đầu tư tại IRS.

IRS sẽ trở thành hình mẫu của một công ty chứng khoán thân thiện với chất lượng phục vụ khách hàng tốt nhất và có bản sắc riêng.

Định hướng về tài chính

IRS xác định làm dịch vụ thì không thể có lợi nhuận đột biến nhưng đổi lại, đó là sự an toàn và chắc chắn.

IRS duy trì chính sách tài chính cho nhà đầu tư trên cơ sở linh hoạt, phù hợp với từng giai đoạn phát triển của thị trường và nhu cầu của nhà đầu tư.

Xác định ổn định tài chính, đảm bảo cân đối nguồn vốn, duy trì tốt thanh khoản trong mọi điều kiện thị trường, quản lý tốt chi phí và tăng cường kiểm soát rủi ro là những vấn đề được ưu tiên hàng đầu trong hoạt động tài chính của Công ty.

Định hướng về chính sách đãi ngộ

Giá trị mà IRS làm nên là sự kết nối và cộng hưởng những chuỗi giá trị của cả một tập thể, mang tính ổn định cao và không bị chi phối, ảnh hưởng bởi vai trò của bất kỳ cá nhân nào.

IRS luôn coi lợi ích của Công ty, cán bộ nhân viên và cổ đông là một trên cơ sở hài hòa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể, gắn quyền lợi, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ chủ chốt với lợi ích của Công ty.

Định hướng về văn hóa IRS

Xây dựng văn hóa IRS mang tính chuyên nghiệp, giàu tính nhân văn nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống tinh thần, tạo động lực làm việc và niềm tự hào cho các thành viên, coi đây là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển bền vững.

Xác định xây dựng văn hoá IRS có nền tảng vững chắc, mang phong cách, bản sắc riêng là một quá trình lâu dài và là sự nghiệp chung của cả tập thể IRS.

4. ***Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần):*** Không có giải trình, do kiểm toán chấp thuận toàn bộ BCTC năm 2023.
5. ***Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:***
 - a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): IRS luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường.
 - b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Luôn coi trọng nguồn nhân lực là yếu tố phát triển Công ty vì vậy IRS đã làm tốt công tác phát triển, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ công nhân viên. Các chế độ xã hội, chế độ chăm lo đời sống đối với người lao động cũng được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật để người lao động ổn định cuộc sống và yên tâm công tác.
 - c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty đã thực hiện tốt nhiều chương trình An sinh xã hội như: ủng hộ tiền và vật chất để giúp đỡ các bà con bị lũ lụt, hiến máu nhân đạo...

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Trong năm 2023, mặc dù nền kinh tế thế giới chịu ảnh hưởng nặng nề bởi lạm phát và hậu đại dịch COVID-19, thị trường chứng khoán Việt Nam đã có sự sụt giảm nghiêm trọng. Tuy nhiên, với sự nỗ lực vượt bậc của toàn bộ tập thể Công ty cùng sự chỉ đạo, sát sao của các thành viên trong HĐQT, Công ty vẫn có kết quả kinh doanh có lãi. HĐQT Công ty đã tích cực phối hợp làm việc trên tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả tốt trên các mặt hoạt động của Công ty.

HDQT trị đóng vai trò định hướng, chỉ đạo, giám sát tình hình triển khai các chủ trương, nghị quyết, quyết định và hỗ trợ Ban điều hành trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị của Công ty hoạt động đúng theo quy định của Điều lệ, Luật Doanh nghiệp 2020, HDQT đã thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, bám sát định hướng chiến lược và căn cứ vào tình hình thực tế đưa ra các quyết định, các chỉ đạo chính xác, kịp thời. Một số công việc chính:

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
- HDQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám Đốc trong việc đổi mới công tác quản trị điều hành, củng cố và sắp xếp lại bộ máy tổ chức trong Công ty cho phù hợp với mô hình phát triển của Công ty
- HDQT đã thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán uy tín, có kinh nghiệm trong việc soát xét BCTC, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

- Ban Tổng Giám đốc Công ty dưới sự quản lý, chỉ đạo và giám sát của HDQT đã điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ do HDQT đề ra phù hợp với pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong hoạt động điều hành Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của HDQT đồng thời tích cực, chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh hàng ngày đảm bảo việc điều hành thông suốt, linh hoạt, hiệu quả.
- Dưới sự chỉ đạo và giám sát của HDQT, Ban Giám đốc đã trực tiếp xây dựng và ban hành hoặc trình HDQT ban hành các văn bản, quy trình, quy chế nội bộ góp phần kiện toàn mô hình bộ máy tổ chức, nhân sự của Công ty theo hướng tinh gọn, chất lượng và hiệu quả.
- Với những biến động trong năm 2023 và thực trạng hoạt động của Tổ chức bộ máy, HDQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện phân công lại trách nhiệm cho các Phòng ban trên cơ sở phát huy cao nhất năng lực, trí tuệ và trách nhiệm của mỗi cá nhân

trong việc thực hiện nhiệm vụ, tăng cường sự phối hợp nhịp nhàng và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình.

- Năm 2023 được cho là một năm với nhiều khó khăn, thách thức, tuy nhiên Công ty đã đạt được những kết quả kinh doanh có lãi. Để có được kết quả này Ban Tổng Giám đốc Công ty đã làm tốt công tác tổ chức thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, có nhiều giải pháp quyết liệt, năng động và kiên trì trong kinh doanh cũng như trong quản lý điều hành Công ty. Đây là cố gắng rất lớn lao của Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể Cán bộ, nhân viên của Công ty trong năm qua, tạo tiền đề cho Công ty phát triển nhanh và bền vững trong những năm tới.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Chủ động tích cực tìm kiếm các thị trường, phát huy tối đa các nguồn lực để tập trung đầu tư phát triển kinh doanh mang lại lợi nhuận cao và tạo nên thương hiệu mạnh cho Công ty, tạo nhiều việc làm cho xã hội, nâng cao thu nhập cho người lao động.
- Tiếp tục tuyển dụng nhân sự chất lượng cao, có trình độ chuyên môn phù hợp để triển khai có hiệu quả Kế hoạch phát triển của Công ty.
- Xây dựng chiến lược lâu dài trong công tác đầu tư đổi mới sản phẩm, dịch vụ cung cấp đáp ứng yêu cầu của khách hàng, có như vậy, Công ty mới phát triển bền vững.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng Quản trị:

- | | |
|-------------------|------------------------------|
| ▪ Ông Lê Thanh | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| ▪ Ông Lê Thanh Hà | Thành viên Hội đồng Quản trị |

- Bà Trần Thị Thu Hương Thành viên thường trực Hội đồng Quản trị

Cơ cấu Hội đồng Quản trị:

b.

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu
1	Lê Thanh	Chủ tịch HĐQT	24.885.500	82,95%
2	Lê Thanh Hà	Thành viên HĐQT	0	0%
3	Trần Thị Thu Hương	Thành viên thường trực HĐQT	2.310.000	7,70%

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng Quản trị: IRS không thành lập các tiểu ban.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Thanh	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%	
2	Ông Lê Thanh Hà	Thành viên HĐQT	2/4	50%	Có đơn xin từ nhiệm ngày 30/11/2023
3	Bà Trần Thị Thu Hương	Thành viên thường trực HĐQT	4/4	100%	

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: không có

2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán:

Thành viên Ban kiểm soát:

- Ông Đoàn Danh Hưng Trưởng Ban Kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Mai Anh Thành viên Ban kiểm soát
- Bà Phan Thị Mai Hương Thành viên Ban Kiểm soát

Cơ cấu Ban Kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu
1	Đoàn Danh Hưng	Trưởng Ban Kiểm soát	1.360.000	4,53%
2	Nguyễn Thị Mai Anh	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0%
3	Phan Thị Mai Hương	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý.
- Xem xét tính hợp lý của các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành.
- Báo cáo quá trình quản lý Công ty của HĐQT và quá trình điều hành của BGĐ.
- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên đề ra.
- Xem xét việc ký kết và thực hiện quy chế trả lương và các quy chế khác theo đúng quy định của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

- a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:
- Hội đồng quản trị: Không có thù lao, tiền lương thưởng.
 - Ban Kiểm soát: Không có thù lao, tiền lương thưởng.
 - Ban Tổng giám đốc: Trong năm thu nhập của Ban Tổng giám đốc gồm tiền lương, tiền thưởng theo KQKD. Tổng tiền lương của Ban Tổng giám đốc trong năm là 270.849.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn đồng*).
- b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:
- Ngày 1/3/2023, Ông Đoàn Danh Hưng (Trưởng ban kiểm soát) nhận chuyển nhượng 10.000 CP từ Ông Lê Phú Chiến.
 - Ngày 29/11/2023, Ông Lê Thanh (Chủ tịch HĐQT) nhận chuyển nhượng 2.025.000 cổ phần của Ông Lê Thanh Hà; 10.375.250 cổ phần của Bà Nguyễn Thị Giá; 10.012.750 cổ phần của Ông Lê Hồng Thảo.
- c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không phát sinh.
- d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:
- Cơ cấu điều hành và quản trị của Công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan. Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống Quản trị của Công ty được kiểm soát chặt chẽ, các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, Ban điều hành luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng.



VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. **Ý kiến kiểm toán:** Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế

toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Các nhận xét đặc biệt: Không có do Công ty Kiểm toán chấp thuận toàn bộ báo cáo tài chính năm 2023 và không có ý kiến loại trừ.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán bao gồm:

Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán được gửi kèm báo cáo thường niên.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



Trần Thị Thu Hương

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

HÀ NỘI, THÁNG 03 NĂM 2024

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	06 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	09 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	13
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng gia (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Thanh

Ông Hồ Ngọc Toàn

Ông Lê Thanh Hà

Bà Trần Thị Thu Hương

Chủ tịch

Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 22/01/2024)

Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 30/11/2023)

Thành viên thường trực

Ban Giám đốc

Bà Trần Thị Thu Hương

Tổng Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA



Trần Thị Thu Hương

Thành viên thường trực Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2024

Số: 2003.01 -24/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty CP Chứng khoán quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng gia (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18/03/2024, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.



Nguyễn Thị Hồng Vân

Phó Tổng giám đốc - Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Thiêm

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3422-2020-034-1

Mẫu số B01 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130)	100		302.068.373.071	303.324.293.708
I. Tài sản tài chính	110		300.740.072.124	301.855.928.342
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111		243.862.060.408	283.220.121.601
1.1. Tiền	111.1	VI.1.1.	243.862.060.408	283.220.121.601
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	VI.1.3.1	18.000.083.500	85.620
3. Các khoản cho vay	114	VI.1.3.2	22.744.244.124	4.198.434.300
4. Các khoản phải thu	117	VI.1.5.	1.577.307.182	38.356.575
5. Trả trước cho người bán	118		120.000.000	145.100.000
6. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	VI.1.5.	25.252.749.974	25.088.461.866
7. Các khoản phải thu khác	122		183.626.936	165.368.380
8. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	VI.1.4.	(11.000.000.000)	(11.000.000.000)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		1.328.300.947	1.468.365.366
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	VI.1.6.	1.265.400.273	1.229.378.001
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136	VI.1.15.	62.900.674	238.987.365
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.147.362.052	12.078.253.383
(200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)				
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		197.004.354	369.547.397
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.1.8.	197.004.354	369.547.397
- Nguyên giá	222		5.037.288.612	5.037.288.612
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(4.840.284.258)	(4.667.741.215)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.1.9.	-	-
- Nguyên giá	228		3.097.999.470	3.097.999.470
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(3.097.999.470)	(3.097.999.470)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	250		12.950.357.698	11.708.705.986
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	VI.1.10.	539.920.882	539.920.882
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	VI.1.6.	81.875.977	7.191.887
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	VI.1.7.	12.328.560.839	11.161.593.217
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		315.215.735.123	315.402.547.091

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B01 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		5.238.955.106	6.090.113.837
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		5.238.955.106	6.090.113.837
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	VI.1.21	-	-
1.1. Vay ngắn hạn	312		-	-
2. Phải trả người bán ngắn hạn	320		49.150.000	7.413.120
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	VI.1.14.	2.559.650.000	3.125.950.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	VI.1.15.	1.337.907.244	1.027.461.224
5. Phải trả người lao động	323		530.640.088	444.401.784
6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		111.843.378	66.061.122
7. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	VI.1.16.	308.923.010	888.340.236
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	VI.1.17.	340.841.386	530.486.351
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		309.976.780.017	309.312.433.254
I. Vốn chủ sở hữu	410		309.976.780.017	309.312.433.254
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		294.285.000.000	294.285.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		300.000.000.000	300.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		300.000.000.000	300.000.000.000
1.2 Cổ phiếu quỹ (*)	411.5		(5.715.000.000)	(5.715.000.000)
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		124.282.981	124.282.981
3. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		124.282.981	124.282.981
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417	VI.1.22.	15.443.214.055	14.778.867.292
4.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		15.444.090.741	14.779.741.858
4.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(876.686)	(874.566)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		315.215.735.123	315.402.547.091

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phạm Thúy Diệu

Nguyễn Thị Khanh



Tổng Giám đốc

Phạm Thúy Diệu

Nguyễn Thị Khanh

Trần Thị Thu Hương

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Cổ phiếu đang lưu hành	006	VL.1.24.	29.682.500	29.682.500
2. Cổ phiếu quỹ	007	VL.1.25.	317.500	317.500
3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Công ty chứng khoán	008	VL.1.11.	1.260.000	1.260.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	VL.1.12.	803.032.610.000	760.223.920.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		737.905.310.000	703.495.040.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		10.640.000.000	11.355.580.000
c. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		40.392.300.000	40.392.300.000
d. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		14.095.000.000	4.981.000.000
2. Tiền gửi của khách hàng	026		50.885.581.695	59.369.892.085
2.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	VL.1.13.	50.885.581.695	59.369.892.085
3. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	VL.1.18.	50.885.581.695	59.369.892.085
3.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		50.885.552.069	59.369.862.459
3.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		29.626	29.626

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phạm Thúy Diệu

Nguyễn Thị Khanh

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Hương

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		2.968.736.164	3.596.114.360
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	VI.2.1.1	224.500.000	2.201.794.907
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	01.2	VI.2.1.2	-	19.645.030
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	VI.2.1.3	2.744.236.164	1.374.674.423
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	VI.2.1.3	816.341.104	2.775.416.883
1.3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		10.987.574.740	17.545.244.993
1.4. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		322.057.143	2.142.979.065
1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		272.364.032	397.020.675
1.6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		4.064.260.202	3.929.704.905
1.7. Thu nhập hoạt động khác	11	VI.2.1.4	472.885.424	541.278.612
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 → 11)	20		19.904.218.809	30.927.759.493
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		341.002.120	3.860.291.697
a. Lỗ bán các tài sản tài chính	21.1	VI.2.1.1	341.000.000	3.817.416.892
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	VI.2.1.2	2.120	42.874.805
2.2. Chi phí hoạt động tự doanh	26		-	-
2.3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	VI.2.4.	8.673.749.420	12.399.013.476
2.4. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	VI.2.4.	254.236.537	1.514.417.514
2.5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	VI.2.4.	323.466.998	351.702.525
2.6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	VI.2.4.	1.633.127.150	3.349.944.730
2.7. Chi phí các dịch vụ khác	32	VI.2.2.	7.145.924	7.913.990
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 → 32)	40		11.232.728.149	21.483.283.932
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định	42	VI.2.3.	23.618.391	22.438.457
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 → 44)	50		23.618.391	22.438.457
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chi phí lãi vay	52	VI.2.5.	394.260.108	-
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 → 55)	60		394.260.108	-

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VI.2.6.	7.420.415.489	7.891.505.547
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 61 - 62)	70		880.433.454	1.575.408.471
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1 Thu nhập khác	71		-	-
8.2 Chi phí khác	72	VI.2.7.	40.000.000	78.058.298
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		(40.000.000)	(78.058.298)
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		840.433.454	1.497.350.173
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		840.435.574	1.520.579.948
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(2.120)	(23.229.775)
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		176.086.691	297.184.857
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	VI.2.8.	176.086.691	297.184.857
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90-100)	200		664.346.763	1.200.165.316
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		-	-
Tổng thu nhập toàn diện	400			
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		22,38	40,43
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501		22,38	40,43
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		-	-

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Người lập biểu

Phạm Thúy Diệu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Khanh



Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hương

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		840.433.454	1.497.350.173
2. Điều chỉnh cho các khoản	02		(1.010.504.031)	166.623.451
- Khấu hao TSCĐ	03		172.543.043	204.980.026
- Chi phí lãi vay	06		394.260.108	-
- Dự thu tiền lãi	08		(1.577.307.182)	(38.356.575)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		2.120	42.874.805
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		2.120	42.874.805
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		-	(19.645.030)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		-	(19.645.030)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(39.187.992.736)	113.627.682.014
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		(18.000.000.000)	76.548.805
- Tăng (giảm) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		-	-
- Tăng (giảm) Các khoản cho vay	33		(18.545.809.824)	121.016.839.025
(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		(1.538.950.607)	358.025.898
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(730.588.108)	504.566.374
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		(18.258.556)	(23.711.666)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		-	15.000.000
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(579.417.226)	(725.514.266)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(110.706.362)	(137.830.671)
(-) Thuế TNDN đã nộp	43		-	(888.318.257)
(-) Lãi vay đã trả	44		(394.260.108)	-
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		66.836.880	(40.919.451)
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		45.782.256	17.326.631
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		310.446.020	(2.908.907.866)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		86.238.304	(798.536.406)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		(189.644.965)	(813.559.618)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		1.577.307.182	38.356.575
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(1.166.967.622)	(2.061.683.093)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(39.358.061.193)	115.314.885.413
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	64		-	59.428.451.680
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		-	59.428.451.680

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền vay gốc	73		479.822.550.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(479.822.550.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>80</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		(39.358.061.193)	174.743.337.093
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	VI.1.1.	283.220.121.601	108.476.784.508
- Tiền	101.1		283.220.121.601	108.476.784.508
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	VI.1.1.	243.862.060.408	283.220.121.601
- Tiền	103.1		243.862.060.408	283.220.121.601

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		3.574.342.140.370	5.934.000.966.760
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(3.621.635.858.210)	(5.573.951.762.120)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		3.621.635.858.210	5.573.951.762.120
4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(3.582.502.983.762)	(6.033.494.987.173)
5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(323.466.998)	(351.702.525)
6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		16.177.524.128	16.901.930.561
7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(16.177.524.128)	(16.901.930.561)
<i>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</i>	<i>20</i>		<i>(8.484.310.390)</i>	<i>(99.845.722.938)</i>
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		59.369.892.085	159.215.615.023
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		59.369.892.085	159.215.615.023
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	32	VI.1.13.	59.369.892.085	159.215.615.023
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40		50.885.581.695	59.369.892.085
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		50.885.581.695	59.369.892.085
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	42	VI.1.13.	50.885.581.695	59.369.892.085

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Người lập

Kế toán trưởng

Phạm Thúy Diệu

Nguyễn Thị Khanh



Trần Thị Thu Hương

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
				Năm 2022		Năm 2023			
		01/01/2022	01/01/2023	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	31/12/2022	31/12/2023
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ (*)		(5.715.000.000)	(5.715.000.000)	-	-	-	-	(5.715.000.000)	(5.715.000.000)
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		124.282.981	124.282.981	-	-	-	-	124.282.981	124.282.981
4. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		124.282.981	124.282.981	-	-	-	-	124.282.981	124.282.981
5. Lợi nhuận chưa phân phối		13.774.438.212	14.778.867.292	1.223.395.091	218.966.011	664.348.883	2.120	14.778.867.292	15.443.214.055
5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		13.752.083.003	14.779.741.858	1.223.395.091	195.736.236	664.348.883	-	14.779.741.858	15.444.090.741
5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		22.355.209	(874.566)	-	23.229.775	-	2.120	(874.566)	(876.686)
Tổng cộng		308.308.004.174	309.312.433.254	1.223.395.091	218.966.011	664.348.883	2.120	309.312.433.254	309.976.780.017

Người lập biểu

N

Phạm Thúy Diệu

Kế toán trưởng

Gls

Nguyễn Thị Khanh

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2024
CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Trần Thị Thu Hương

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của công ty chứng khoán****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 58/UBCK-GPHĐKD ngày 06 tháng 07 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 80/GPĐC-UBCK ngày 19 tháng 4 năm 2012; Giấy phép điều chỉnh số 116/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 12 năm 2012; Giấy phép điều chỉnh số 56/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 12 năm 2015; Giấy phép số 07/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 3 năm 2016; Giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 7 năm 2017 và Giấy phép điều chỉnh số 100/GPĐC-UBCK ngày 05 tháng 11 năm 2021 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 56/GPĐC-UBCK ngày 08/12/2015 thì:

- Vốn điều lệ theo đăng ký: **300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ đồng).**
- Mệnh giá cổ phần: **10.000 đồng**

Điều lệ Công ty chứng khoán đã được ban hành năm 2007 và sửa đổi, bổ sung lần thứ 6 ngày 01/06/2017.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính doanh nghiệp./.

Trụ sở Công ty tại: Tầng 12, tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

3. Hạn chế vay nợ, cho vay và hạn chế đầu tư**Hạn chế vay nợ**

Thực hiện theo điều 26 Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 thì:

- Tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán không được vượt quá 05 lần. Giá trị tổng nợ theo quy định này không bao gồm các khoản sau đây:

- a) Tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng;
- b) Quỹ khen thưởng phúc lợi;
- c) Dự phòng trợ cấp mất việc làm;
- d) Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư.

- Nợ ngắn hạn của công ty chứng khoán tối đa bằng tài sản ngắn hạn.

- Công ty chứng khoán chào bán trái phiếu thực hiện theo quy định tại Điều 31 Luật Chứng khoán, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và phải đảm bảo tuân thủ tỷ lệ quy định nêu trên.

Hạn chế cho vay

Thực hiện theo điều 27 Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 thì:

- Trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 86 Luật Chứng khoán, công ty chứng khoán không được cho vay tiền, chứng khoán dưới mọi hình thức.
- Công ty chứng khoán không được dùng tiền, tài sản của công ty hoặc của khách hàng để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho bên thứ ba.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Công ty chứng khoán không được cho vay dưới bất kỳ hình thức nào đối với Chủ sở hữu, cổ đông lớn, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Giám đốc, kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị công ty chứng khoán bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng nêu trên.
- Công ty chứng khoán đã được thực hiện giao dịch ký quỹ theo quy định pháp luật được cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán dưới hình thức giao dịch ký quỹ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.
- Công ty chứng khoán được cho vay chứng khoán để sửa lỗi giao dịch, hoặc cho vay để thực hiện các giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Hạn chế đầu tư

Thực hiện theo điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 thì:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - + Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - + Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - + Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - + Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - + Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - + Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - + Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại điểm c, d và đ Khoản 4 Điều này. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - + Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
 - + Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt 180%;
 - + Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 26 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều này và Điểm c Khoản 4 Điều này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Trường hợp Công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc có biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của Công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, Công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định.

1.4 Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

1.5 Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính công ty có 48 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 46 nhân viên).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán đối với Công ty chứng khoán theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 23/2018/TT-BTC Bổ sung một số chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính quy định tại Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC (Thông tư 334) ngày 27/12/2016 "Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán".

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền*****Ghi nhận vốn bằng tiền******Tiền gửi hoạt động của Công ty chứng khoán***

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành khác được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

Tiền gửi của nhà đầu tư

Tiền gửi của nhà đầu tư là tiền gửi của khách hàng để giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý.

Tiền gửi của tổ chức phát hành

Tiền gửi của tổ chức phát hành là tiền gửi thu được về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện bảo lãnh phát hành chứng khoán.

3. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản cho vay và phải thu.**3.1 Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty*****Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty (FVTPL):***

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (FVTPL) là các tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.

- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của công ty.

Các tài sản tài chính này thường gồm: cổ phiếu, trái phiếu, công cụ tiền tệ, công cụ phái sinh (với mục đích phòng ngừa rủi ro).

Tài sản tài chính được phân loại ra khỏi FVTPL trong trường hợp: tài sản tài chính là nợ cho vay hoặc phải thu nếu xác định mục đích sẽ là nắm giữ trong khoảng thời gian xác định trong tương lai hoặc đến khi đáo hạn hoặc tài sản tài chính là tiền gửi được phân loại sang nhóm tiền và tương đương tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính hiện đang theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính khi bán.

Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận đo đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

Tài sản chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động chi tiêu “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý”.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán hoàn hảo, ngoại trừ:

Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;

Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

Các khoản mà người nắm giữ có thể thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý hoặc giá gốc

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty (FVTPL):

Giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Các chi phí mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị thị trường. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được phân loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi hoặc lỗ và được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động.

Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Ở kỳ đánh giá lại lần đầu, giá trị hợp lý đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán được phản ánh vào Tài khoản 1212 “Chênh lệch đánh giá lại” là số chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL tại thời điểm đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá mua ban đầu của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Khi trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính, Chi tiêu “Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ” FVTPL được phản ánh trên cơ sở số thuần (Chi tiêu này được tính như sau: Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ = Số dư Nợ Tài khoản 1211 “Giá mua” cộng (+) Số dư Nợ Tài khoản 1212 “Chênh lệch tăng do đánh giá lại” hoặc trừ (-) Số dư Có Tài khoản 1212 “Chênh lệch giảm do đánh giá lại” của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán).

Khi trình bày các tài sản tài chính FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán trong Thuyết minh Báo cáo tài chính phải trình bày theo 3 chi tiêu: Giá trị mua, giá trị đánh giá lại và giá trị thuần (Giá trị mua +/- Giá trị đánh giá lại) theo các loại tài sản tài chính FVTPL.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động, theo 2 chi tiêu:

Chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chi tiêu “Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL, chi tiết “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ” FVTPL.

Chênh lệch tăng do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chi tiêu “Thu nhập”, chi tiết “Chênh lệch tăng về đánh giá lại - các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ”.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán xác định lợi nhuận hoặc lỗ chưa thực hiện của kỳ kế toán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, được ghi nhận từ thời điểm bắt đầu phát sinh hoạt động gửi tiền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng (trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc không thể thu hồi (nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4. Giá trị hợp lý của tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của tài sản tài chính được xác định theo các cơ sở sau:

+ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có Giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

+ Đối với các chứng khoán của công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

+ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch tại ngày giao dịch thứ sáu trở đi giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ**5.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản**Thời gian khấu hao (năm)**

- Phương tiện vận tải

06

- Thiết bị dụng cụ quản lý

05 - 07

5.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm quản lý giao dịch và phần mềm kế toán.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn liền với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 - 05 năm.

6. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng về hoạt động giao dịch bán các tài sản tài chính, phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, phải thu nội bộ và phải thu khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Các khoản phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán các tài sản tài chính.
- Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp phát sinh từ các dịch vụ mà Công ty cung cấp cho nhà đầu tư.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

7. Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi:

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí hoạt động khác" trong năm.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Giám đốc cũng đánh giá về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng cần thiết phải trích lập.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được đánh giá bởi Ban Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

8. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản ký quỹ, ký cược tại Công ty là các khoản đặt cọc về thuê văn phòng và các khoản đặt cọc khác,... được ghi nhận nhận theo giá gốc và trình bày theo kỳ hạn thuê.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ; chi phí trả trước về thuê văn phòng và các chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn không quá 3 năm.

Chi phí trả trước về thuê văn phòng được phân bổ theo kỳ hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê. Các chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn không quá 3 năm.

10. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn**10.1 Nguyên tắc phân loại nợ tài chính và phương pháp kế toán các khoản vay****Nguyên tắc và phương pháp kế toán khoản vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

10.2 Nguyên tắc phân loại các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán, phải trả tổ chức phát hành chứng khoán và phải trả khác

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán là các khoản phải thanh toán cho các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua, bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng Công ty qua Sở Giao dịch chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên hoặc các khoản phải thanh toán cho các Đại lý tham gia phát hành chứng khoán cho Tổ chức phát hành chứng khoán liên quan đến nghiệp vụ bảo lãnh phát hành của Công ty. Nợ phải trả người bán về mua vật tư, dịch vụ, lao vụ không bao gồm trong khoản mục phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán.

- Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán là khoản phải trả tiền gửi của các nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý cho khách hàng thông qua tài khoản chuyên dụng mở tại Ngân hàng thương mại. Các giao dịch này bao gồm cả nghiệp vụ margin, repo, ứng trước tiền bán các tài sản tài chính. Các khoản phải trả nhà đầu tư về tiền gửi cho giao dịch chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

10.3 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán là phí phải trả các tổ chức cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán được xác định phù hợp với các khối lượng giao dịch thực hiện và giá phí thỏa thuận giữa tổ chức cung cấp dịch vụ và Công ty. Khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán được ghi nhận trên nguyên tắc có cam kết cung cấp dịch vụ cho khách hàng phù hợp với doanh thu thực hiện đối với nghiệp vụ kinh doanh trên giấy phép của Công ty.

10.4 Nguyên tắc và phương pháp kế toán thuế và các khoản phải nộp Nhà nước***Thuế giá trị gia tăng (GTGT)***

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với dịch vụ tư vấn tài chính; không chịu thuế GTGT đối với hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, cho khách hàng vay tiền để thực hiện giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán, ... Đối với dịch vụ tư vấn tài chính 6 tháng cuối năm được giảm thuế GTGT xuống còn 8% theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp:

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế, phí phải nộp khác:

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

10.5 Kế toán chi phí phải trả ngắn hạn, dài hạn

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí giao dịch phải trả Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và các khoản chi phí khác thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

10.6 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản tiền nhận từ quỹ Hỗ trợ thanh toán.

11. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu**11.1 Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia phân chia tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do Công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh là giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin...

Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích 5% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

11.2 Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm:

- Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.
- Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

11.3 Nguyên tắc phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận lãi từ hoạt động của Công ty, sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc phân phối lợi nhuận, cổ tức: Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp, chia cổ tức cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại cuộc họp thường niên Ban Quản trị toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng bắt buộc theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến Công ty.

Lãi đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm (N-1) là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm (N-1) không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

12. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập**12.1 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính:**

Doanh thu của Công ty bao gồm thu nhập từ kinh doanh chứng khoán, doanh thu cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp,

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, đại lý phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, ủy thác đầu giá, tư vấn tài chính...)

Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản quyền nhận không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng phải phù hợp với các nghiệp vụ kinh doanh quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty. Doanh thu dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được xác nhận là hoàn thành trên cơ sở đã được khách hàng thanh toán bằng tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc cam kết sẽ thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được hoàn thành.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận lỗ và chi phí giao dịch các tài sản tài chính

Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính: là các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chênh lệch giảm đo đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL của Công ty và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc Danh mục đầu tư TSTC của Công ty là FVTPL.

14. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, ...

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Chi phí quản lý của Công ty được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động là các chi phí quản lý chung của Công ty gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

V. Quản trị về rủi ro tài chính đối với Công ty**1. Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính đối với Công ty:**

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh toán. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro thanh toán:

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh toán của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Công ty giám sát rủi ro thanh toán bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

3. Rủi ro thị trường:

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro như: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa được lợi nhuận thu được.

VI. Thông tin bổ sung cho các Báo cáo tài chính**1. Thuyết minh về Báo cáo tình hình tài chính****1.1. Tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	923.040.066	849.439.840
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty chứng khoán	242.939.020.342	282.370.681.761
Cộng	243.862.060.408	283.220.121.601

1.2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (VND)
a) Cửa Công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu	1.080.000	21.471.500.000
Cộng	1.080.000	21.471.500.000
b) Cửa Nhà Đầu tư		
- Cổ phiếu	407.003.445	7.195.977.998.580
Cộng	407.003.445	7.195.977.998.580

1.3. Các loại tài sản tài chính**1.3.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Đơn vị tính: VND

Tài sản FVTPL	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	960.186	83.500	960.186	85.620
MMC	245.445	-	245.445	-
HAI	16.820	13.500	16.820	14.220
FLC	427.921	70.000	427.921	71.400
ROS	270.000	-	270.000	-
Chứng chỉ tiền gửi (*)	18.000.000.000	18.000.000.000	-	-
Cộng	18.000.960.186	18.000.083.500	960.186	85.620

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

(*) Khoản tiền gửi theo các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với lãi suất 8,6%/năm được dùng để cầm cố cho các khoản vay thấu chi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hai Bà Trưng.

1.3.2 Các khoản cho vay và phải thu

Đơn vị tính: VND

Các khoản cho vay và phải thu	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động Margin	6.060.994.584	6.060.994.584	2.995.378.466	2.995.378.466
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng	16.683.249.540	16.683.249.540	1.203.055.834	1.203.055.834
Cộng	22.744.244.124	22.744.244.124	4.198.434.300	4.198.434.300

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

1.3.3 Về tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá thị trường

Đơn vị tính: VND

STT	31/12/2023						01/01/2023				
	Các loại tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này	Chênh lệch đánh giá kỳ này		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ trước	Chênh lệch đánh giá kỳ trước		Giá trị đánh giá lại
				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
A	B	1	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6+8-9)
I.	FVTPL	18.000.960.186	18.000.083.500	-	876.686	18.000.083.500	960.186	85.620	-	874.566	85.620
	Cổ phiếu	960.186	83.500	-	876.686	83.500	960.186	85.620	-	874.566	85.620
	HAI	16.820	13.500	-	3.320	13.500	16.820	14.220	-	2.600	14.220
	FLC	427.921	70.000	-	357.921	70.000	427.921	71.400	-	356.521	71.400
	ROS	270.000	-	-	270.000	-	270.000	-	-	270.000	-
	MMC	245.445	-	-	245.445	-	245.445	-	-	245.445	-
2	Tiền gửi có kỳ hạn cố định	18.000.000.000	18.000.000.000	-	-	18.000.000.000	-	-	-	-	-
	Tiền gửi kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm	18.000.000.000	18.000.000.000	-	-	18.000.000.000	-	-	-	-	-
	Cộng	18.000.960.186	18.000.083.500	-	876.686	18.000.083.500	960.186	85.620	-	874.566	85.620

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

1.4. Dự phòng phải thu khó đòi

Đơn vị tính: VND

STT	Loại phải thu khó đòi cần trích lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Tham chiếu	Số dư dự phòng phải thu đầu kỳ (01/01/2023)	Số trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Số dư dự phòng phải thu cuối kỳ (31/12/2023)
1	Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi	24.792.367.600		11.000.000.000	-	-	11.000.000.000
	Dự phòng phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán (*)	24.792.367.600		11.000.000.000	-	-	11.000.000.000
	Nguyễn Hữu Tuấn	3.792.367.600		2.240.740.741	-	-	2.240.740.741
	Phạm Thanh Nam	21.000.000.000		8.759.259.259	-	-	8.759.259.259
	Cộng	24.792.367.600		11.000.000.000	-	-	11.000.000.000

(*) Khoản phải thu theo các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán với khách hàng là các ông Phạm Thanh Nam, Nguyễn Hữu Tuấn đã được bảo lãnh bằng tài sản đảm bảo (bất động sản) của bên thứ 3 là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phú Điền. Theo đó, Công ty chỉ trích lập dự phòng 11 tỷ đồng, là giá trị phần chênh lệch giữa khoản nợ gốc phải thu với giá trị tài sản đảm bảo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

1.5. Các khoản phải thu		31/12/2023	01/01/2023
		VND	VND
a)	Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	1.577.307.182	38.356.575
	Dự thu tiền lãi chưa đến ngày nhận	1.577.307.182	38.356.575
b)	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	25.252.749.974	25.088.461.866
	Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	44.542.374	10.844.266
	Phải thu về hợp đồng hợp tác đầu tư	24.792.367.600	24.792.367.600
	- Nguyễn Hữu Tuấn	3.792.367.600	3.792.367.600
	- Phạm Thanh Nam	21.000.000.000	21.000.000.000
	Phải thu dịch vụ tư vấn tài chính	415.840.000	285.250.000
	Cộng	26.830.057.156	25.126.818.441
1.6. Chi phí trả trước		31/12/2023	01/01/2023
		VND	VND
a)	Ngắn hạn	1.265.400.273	1.229.378.001
	Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	41.585.573	40.538.116
	Chi phí thuê văn phòng	1.223.814.700	1.188.839.885
b)	Dài hạn	81.875.977	7.191.887
	Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	81.875.977	7.191.887
	Cộng	1.347.276.250	1.236.569.888
1.7. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán		31/12/2023	01/01/2023
		VND	VND
	Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
	Tiền nộp bổ sung	6.896.444.753	6.202.361.875
	Tiền lãi phân bổ hàng năm	5.312.116.086	4.839.231.342
	Cộng	12.328.560.839	11.161.593.217
1.8. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình		Đơn vị tính: VND	
Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2023	2.072.818.400	2.964.470.212	5.037.288.612
Mua trong năm	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2023	2.072.818.400	2.964.470.212	5.037.288.612
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2023	1.719.254.316	2.948.486.899	4.667.741.215
Khấu hao trong năm	156.559.730	15.983.313	172.543.043
Số dư ngày 31/12/2023	1.875.814.046	2.964.470.212	4.840.284.258
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2023	353.564.084	15.983.313	369.547.397
Tại ngày 31/12/2023	197.004.354	-	197.004.354

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

*Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.097.930.212 VND (Tại 31/12/2022 là 3.880.930.212 VND).***1.9. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND	
	Phần mềm máy tính	Cộng
<i>Nguyên giá</i>		
Số dư ngày 01/01/2023	3.097.999.470	3.097.999.470
Mua trong năm	-	-
Số dư ngày 31/12/2023	3.097.999.470	3.097.999.470
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		
Số dư ngày 01/01/2023	3.097.999.470	3.097.999.470
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư ngày 31/12/2023	3.097.999.470	3.097.999.470
<i>Giá trị còn lại</i>		
Tại ngày 01/01/2023	-	-
Tại ngày 31/12/2023	-	-
<i>Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.097.999.470 VND (Tại 31/12/2022 là 3.097.999.470 VND).</i>		

1.10. Các tài sản đã cầm cố thế chấp

Tài sản	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Dài hạn</i>		
Đặt cọc thuê văn phòng	483.420.882	483.420.882
Đặt cọc dài hạn khác	56.500.000	56.500.000
Cộng	539.920.882	539.920.882

1.11. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Công ty chứng khoán

Tài sản tài chính	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.260.000	1.260.000
Cộng	1.260.000	1.260.000

1.12. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	737.905.310.000	703.495.040.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	10.640.000.000	11.355.580.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	40.392.300.000	40.392.300.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	14.095.000.000	4.981.000.000
Cộng	803.032.610.000	760.223.920.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

1.13. Tiền gửi của Nhà đầu tư

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	50.885.581.695	59.369.892.085
1.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	50.885.552.069	59.369.862.459
1.2. Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	29.626	29.626
2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	-	-
3. Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán	-	-
Cộng	50.885.581.695	59.369.892.085

1.14. Người mua trả tiền trước**Ngắn hạn**

Công ty CP Cokyvina

Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương

Các đối tượng khác

Cộng

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty CP Cokyvina	104.500.000	104.500.000
Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương	96.000.000	96.000.000
Các đối tượng khác	2.359.150.000	2.925.450.000
Cộng	2.559.650.000	3.125.950.000

1.15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**a) Phải nộp**

Thuế GTGT đầu ra

Thuế Thu nhập cá nhân

Cộng**b) Phải thu**

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Cộng

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Thuế GTGT đầu ra	101.391.080	128.948.964
Thuế Thu nhập cá nhân	1.236.516.164	898.512.260
Cộng	1.337.907.244	1.027.461.224
b) Phải thu	62.900.674	238.987.365
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	62.900.674	238.987.365
Cộng	62.900.674	238.987.365

1.16. Chi phí phải trả**Ngắn hạn**

Chi phí giao dịch phải trả HNX và HOSE

Trích trước chi phí lương

Chi phí phải trả khác

Cộng

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí giao dịch phải trả HNX và HOSE	145.653.637	177.164.904
Trích trước chi phí lương	-	579.042.000
Chi phí phải trả khác	163.269.373	132.133.332
Cộng	308.923.010	888.340.236

1.17. Phải trả, phải nộp khác**Ngắn hạn**

Phải trả hoa hồng môi giới

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải trả hoa hồng môi giới	144.077.786	362.907.711

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Phải trả khác	196.763.600	167.578.640
Cộng	340.841.386	530.486.351
1.18. Phải trả Nhà đầu tư	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
1. Phải trả nhà đầu tư - tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	50.885.581.695	59.369.892.085
- Của nhà đầu tư trong nước	50.885.552.069	59.369.862.459
- Của nhà đầu tư nước ngoài	29.626	29.626
2. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	-	-
Cộng	50.885.581.695	59.369.892.085
1.19. Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho CTCK	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả phí môi giới chứng khoán	44.542.374	10.844.266
Phải trả phí tư vấn tài chính doanh nghiệp	415.840.000	285.250.000
Phải trả về hợp đồng hợp tác đầu tư	24.792.367.600	24.792.367.600
Cộng	25.252.749.974	25.088.461.866
1.20. Phải trả vay Công ty chứng khoán của Nhà đầu tư	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
1. Phải trả gốc Margin	6.060.994.584	2.995.378.466
1.1 Phải trả gốc Margin của nhà đầu tư trong nước	6.060.994.584	2.995.378.466
1.2 Phải trả gốc Margin của nhà đầu tư nước ngoài	-	-
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	16.683.249.540	1.203.055.834
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	16.683.249.540	1.203.055.834
a. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của nhà đầu tư trong nước	16.683.249.540	1.203.055.834
Cộng	22.744.244.124	4.198.434.300

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

1.21 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	01/01/2023		Phát sinh		Đơn vị tính: VND
	Giá trị		Tăng	Giảm	31/12/2023
					Giá trị
Vay ngắn hạn					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)	-		479.822.550.000	479.822.550.000	-
Cộng	-		479.822.550.000	479.822.550.000	-

(*) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng thấu chi ngày 31/01/2023, hạn mức thấu chi là 17.100.000.000 đồng, thời hạn đến 17/01/2024, lãi suất trong hạn là 8.6%/năm, tài sản đảm bảo là các hợp đồng tiền gửi có tổng giá trị là 18.000.000.000 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

1.22. Lợi nhuận chưa phân phối	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	15.444.090.741	14.779.741.858
Lợi nhuận chưa thực hiện	(876.686)	(874.566)
Cộng	15.443.214.055	14.778.867.292

1.23. Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi đã thực hiện chưa phân phối kỳ trước	14.779.741.858	13.752.083.003
Lãi đã thực hiện kỳ này	664.348.883	1.223.395.091
Điều chỉnh giảm khác	-	195.736.236
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến 31/12	15.444.090.741	14.779.741.858

(*) Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính

1.24. Cổ phiếu đang lưu hành	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng phổ thông lưu hành trên 1 năm	29.682.500	29.682.500
Cộng	29.682.500	29.682.500

1.25. Cổ phiếu quỹ	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Loại > 1 năm	317.500	317.500
Cộng	317.500	317.500

1.26. Chứng khoán niêm yết lưu ký tại VSD	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Loại <= 1 năm	126	126
Loại > 1 năm	-	-
Cộng	126	126

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Thuyết minh về Báo cáo kết quả hoạt động

2.1. Thu nhập

2.1.1 Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán (cổ phiếu)	Giá bán (VND/cổ phiếu)	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kể đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán trong kỳ trước
A	B	1	2	3=1*2	4	5=3-4	6	7
1	Cổ phiếu niêm yết	540.000	148.632	10.677.500.000	10.794.000.000	(116.500.000)	(1.732.121.985)	(1.615.621.985)
	PVS	105.000	24.210	2.542.000.000	2.654.000.000	(112.000.000)	(733.460.000)	(621.460.000)
	PVD			-		-	(902.720.248)	(902.720.248)
	POW			-		-	(98.196.250)	(98.196.250)
	TPB			-		-	(17.300.000)	(17.300.000)
	FPT			-		-	8.314.635	8.314.635
	CII			-		-	(197.223.381)	(197.223.381)
	SSI			-		-	(57.648.510)	(57.648.510)
	MWG			-		-	(63.018.392)	(63.018.392)
	CEO	100.000	22.550	2.255.000.000	2.113.500.000	141.500.000	656.920.000	515.420.000
	PC1			-		-	(37.320.000)	(37.320.000)
	HBC			-		-	9.945.550	9.945.550
	DIG			-		-	259.801.512	259.801.512
	KDH			-		-	(17.272.913)	(17.272.913)
	DBC			-		-	(63.662.900)	(63.662.900)
	NKG			-		-	(90.670.000)	(90.670.000)
	HPG			-		-	(5.405.506)	(5.405.506)
	FLC			-		-	(281.881.039)	(281.881.039)
	FCN			-		-	16.290.000	16.290.000
	SCR			-		-	31.615.580	31.615.580
	GEX			-		-	(98.793.750)	(98.793.750)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Thuyết minh về Báo cáo kết quả hoạt động**2.1. Thu nhập****2.1.1 Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán (cổ phiếu)	Giá bán (VND/cổ phiếu)	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán trong kỳ trước
A	B	1	2	3=1*2	4	5=3-4	6	7
	VNM			-		-	19.984.000	19.984.000
	VIC			-		-	57.317	57.317
	MBB			-		-	(555.568)	(555.568)
	HSG			-		-	5.554.898	5.554.898
	NVL			-		-	(127.676.500)	(127.676.500)
	VPB			-		-	(111.661)	(111.661)
	ACB			-		-	213.200	213.200
	CTG			-		-	(343.222)	(343.222)
	NBB			-		-	(560.600)	(560.600)
	STB			-		-	(11.796.395)	(11.796.395)
	SHB			-		-	(529.100)	(529.100)
	SAM			-		-	(788.000)	(788.000)
	AGR			-		-	41.600	41.600
	ASM			-		-	89.700	89.700
	BID			-		-	(274.050)	(274.050)
	BSI			-		-	35.026.600	35.026.600
	CSV			-		-	15.535.000	15.535.000
	LCG			-		-	(32.761.000)	(32.761.000)
	PDR			-		-	207.500.000	207.500.000
	C47			-		-	(290.000)	(290.000)
	CSM			-		-	(390)	(390)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Thuyết minh về Báo cáo kết quả hoạt động**2.1. Thu nhập****2.1.1 Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán (cổ phiếu)	Giá bán (VND/cổ phiếu)	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kể đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán trong kỳ trước
A	B	1	2	3=1*2	4	5=3-4	6	7
	CTD			-	-	-	(66.600)	(66.600)
	DCL			-	-	-	74.700	74.700
	DHC			-	-	-	35.906	35.906
	DLG			-	-	-	124.640	124.640
	DPG			-	-	-	1.386.600	1.386.600
	DQC			-	-	-	4.000	4.000
	DTL			-	-	-	33.333	33.333
	EIB			-	-	-	100.800	100.800
	EVF			-	-	-	56.070	56.070
	FIT			-	-	-	11.463	11.463
	GDT			-	-	-	(190.000)	(190.000)
	HAP			-	-	-	24.420	24.420
	HAR			-	-	-	(40.080)	(40.080)
	HDC			-	-	-	207.607	207.607
	HDG			-	-	-	61.418	61.418
	HHS			-	-	-	16.950	16.950
	HID			-	-	-	27.480	27.480
	HQC			-	-	-	16.949	16.949
	HTN			-	-	-	(528.000)	(528.000)
	HVN	30.000	14.800	444.000.000	436.500.000	7.500.000	7.455.450	(44.550)
	IDI			-	-	-	1.395.300	1.395.300

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Thuyết minh về Báo cáo kết quả hoạt động**2.1. Thu nhập****2.1.1 Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán (cổ phiếu)	Giá bán (VND/cổ phiếu)	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán trong kỳ trước
A	B	1	2	3=1*2	4	5=3-4	6	7
	ITA			-		-	4.219.500	4.219.500
	JVC			-		-	2.170	2.170
	KDC			-		-	369.600	369.600
	KMR			-		-	7.142	7.142
	L10			-		-	109.300	109.300
	LDG			-		-	(2.036)	(2.036)
	LSS			-		-	35.050	35.050
	NHA			-		-	621.000	621.000
	OCB			-		-	420.000	420.000
	PGC			-		-	11.200	11.200
	PGD			-		-	1.800	1.800
	PGI			-		-	147.700	147.700
	PHR			-		-	(17.400)	(17.400)
	PNC			-		-	2.420	2.420
	RAL			-		-	(72.000)	(72.000)
	REE			-		-	167.434	167.434
	RIC			-		-	(124.800)	(124.800)
	SBT			-		-	(14.000)	(14.000)
	SC5			-		-	(12.400)	(12.400)
	SRC			-		-	12.189	12.189
	TCM			-		-	(207.700)	(207.700)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Thuyết minh về Báo cáo kết quả hoạt động**2.1. Thu nhập****2.1.1 Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán (cổ phiếu)	Giá bán (VND/cổ phiếu)	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán trong kỳ trước
A	B	1	2	3=1*2	4	5=3-4	6	7
	TDH			-		-	(6.400)	(6.400)
	TLH			-		-	11.500	11.500
	TMT			-		-	28.500	28.500
	TNA			-		-	(49.812)	(49.812)
	TTA			-		-	(214.600)	(214.600)
	TVB			-		-	(31.200)	(31.200)
	VID			-		-	10.400	10.400
	VIP			-		-	22.000	22.000
	VJC			-		-	6.400	6.400
	VNE			-		-	9.700	9.700
	VOS			-		-	101.080	101.080
	D2D			-		-	(247.154)	(247.154)
	DCM			-		-	(3.590.000)	(3.590.000)
	DGC	25.000	59.020	1.475.500.000	1.502.000.000	(26.500.000)	(21.676.100)	4.823.900
	DPM			-		-	3.181.500	3.181.500
	DRC			-		-	(8.393)	(8.393)
	DXG	120.000	13.183	1.582.000.000	1.608.000.000	(26.000.000)	(61.861.834)	(35.861.834)
	GMD			-		-	(5.300)	(5.300)
	HAG			-		-	20.880	20.880
	KBC			-		-	196.479	196.479
	LPB			-		-	(47.733)	(47.733)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Thuyết minh về Báo cáo kết quả hoạt động**2.1. Thu nhập****2.1.1 Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán (cổ phiếu)	Giá bán (VND/cổ phiếu)	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán trong kỳ trước
A	B	1	2	3=1*2	4	5=3-4	6	7
	NLG			-	-	-	25.606	25.606
	PET			-	-	-	(78.038.225)	(78.038.225)
	PNJ			-	-	-	270.223	270.223
	SJS			-	-	-	83.316	83.316
	VCB			-	-	-	(169.730)	(169.730)
	VHM			-	-	-	(1.607.764)	(1.607.764)
	VND	160.000	14.869	2.379.000.000	2.480.000.000	(101.000.000)	(11.000.000)	90.000.000
	VRE			-	-	-	(50.116)	(50.116)
	Cộng	540.000	148.632	10.677.500.000	10.794.000.000	(116.500.000)	(1.732.121.985)	(1.615.621.985)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2.1.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này
A	B	C	D	E=D-C	F	G=E-F
I	Loại FVTPL	960.186	83.500	(876.686)	(874.566)	(2.120)
I	Cổ phiếu niêm yết	960.186	83.500	(876.686)	(874.566)	(2.120)
	MMC	245.445	-	(245.445)	(245.445)	-
	HAI	16.820	13.500	(3.320)	(2.600)	(720)
	FLC	427.921	70.000	(357.921)	(356.521)	(1.400)
	ROS	270.000	-	(270.000)	(270.000)	-
	Cộng	960.186	83.500	(876.686)	(874.566)	(2.120)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2.1.3 Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS*Các loại doanh thu hoạt động khác*

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	2.744.236.164	1.374.674.423
Từ các khoản cho vay	816.341.104	2.775.416.883
Cộng	3.560.577.268	4.150.091.306

2.1.4 Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính*Các loại doanh thu hoạt động khác*

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	472.885.424	541.278.612
Cộng	472.885.424	541.278.612

2.2. Chi phí ngoài chi phí các tài sản tài chính*Các loại chi phí hoạt động khác*

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác	7.145.924	7.913.990
Cộng	7.145.924	7.913.990

2.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	23.618.391	22.438.457
Cộng	23.618.391	22.438.457

2.4. Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	8.673.749.420	12.399.013.476
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	254.236.537	1.514.417.514
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	323.466.998	351.702.525
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	1.633.127.150	3.349.944.730
Cộng	10.884.580.105	17.615.078.245

2.5. Chi phí tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	394.260.108	-
Cộng	394.260.108	-

2.6. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.025.662.132	4.426.293.846

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	18.957.813	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	172.543.043	199.959.734
Chi phí thuế, phí, lệ phí	300.205.274	318.484.914
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.713.977.227	2.786.532.053
Chi phí bằng tiền khác	189.070.000	160.235.000
Cộng	7.420.415.489	7.891.505.547

2.7. Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nộp phạt hành chính	40.000.000	78.058.298
Cộng	40.000.000	78.058.298

2.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán hiện hành	176.086.691	297.184.857
Chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	176.086.691	297.184.857
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán hiện hành	176.086.691	297.184.857

2.9. Lũy kế báo cáo kết quả hoạt động

Chỉ tiêu	01/01/2023	Số phát sinh	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh	Đơn vị tính: VND 31/12/2023
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14.778.867.292	664.346.763	-	15.443.214.055
Cộng	14.778.867.292	664.346.763	-	15.443.214.055

3. Những thông tin khác**3.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3.2 Thông tin về các bên liên quan*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	270.849.000	334.726.000
Cộng	270.849.000	334.726.000

Chi tiết thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc		
<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>	
Trần Thị Thu Hương	Tổng Giám đốc	
	270.849.000	334.726.000

3.3 Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty CP Chứng khoán quốc tế Hoàng Gia đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Người lập biểu



Phạm Thúy Diệu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Khanh



Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hương